

Bản án số: 40/2026/HS-PT

Ngày: 08-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Thẩm phán: bà Lê Thị Dung; ông Lê Ngọc Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 50/2026/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2026/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa;

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/9/1990, tại Thanh Hóa; CCCD số: 038090052989; danh bản, chỉ bản số 357 lập ngày 28/8/2025 tại Phòng PV06 Công an tỉnh T; nơi cư trú: phố T, xã H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L (đã chết) và bà Đặng Thị L1; có vợ là Lê Thị L2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác, nhưng không kháng cáo, không có kháng nghị, nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 25 phút ngày 06/7/2025, Nguyễn Đức T (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô BKS: 36K-627.04 di chuyển trên đường QL10 theo hướng xã H đi phường N, khi đến ngã 3 đoạn đường giao nhau với đường không ưu tiên (Có biển báo số 207) thuộc địa phận phố Q, phường N, tỉnh Thanh Hóa, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ dẫn đến đâm va với xe mô tô

BKS: 36F1-027.71 do anh Lê Đình D, sinh năm 1977, trú tại thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa điều khiển chở phía sau anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966 ở cùng thôn đi trong đường liên thôn ra đường Q. Sau khi va chạm, anh D bị kẹt phía trước bên trái gầm xe ô tô BKS 36K -627.04, anh T1 bị ngã văng xuống mặt đường bên trái theo chiều di chuyển của xe ô tô BKS 36K-627.04, đồng thời bị một xe mô tô BKS 36AB - 038.29 do Lê Kim T2, sinh năm 1997, trú tại: Thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa điều khiển, phía sau chở anh Nguyễn Việt T3, sinh năm 1998 ở xã A, tỉnh Nghệ An đi theo hướng ngược chiều đâm va phải; hậu quả:

- Anh Lê Đình D bị mất máu cấp do đa chấn thương và tử vong khi cấp cứu tại Bệnh viện.

- Đối với anh Nguyễn Văn T1 bị các vết thương gồm:

+ 01 (một) vết thương tại thái dương đỉnh phải, kích thước (12 x 5)cm.

+ 01 (một) vết thương tại gò má trái, kích thước (4 x 1)cm.

+ Sung nề, hạn chế vận động gối phải, kích thước (30 x 10)cm.

+ 01 (một) vết thương tại ngón 1 chân phải, kích thước (3 x 1)cm.

+ Xây xước da tại mặt ngoài khuỷu tay phải, kích thước (6 x 3)cm (BL: 133)

- Các phương tiện xe ô tô BKS 36K-627.04, xe mô tô BKS 36F1-027.71 và xe mô tô BKS: 36 BA-038.29 bị hư hỏng.

Anh Lê Kim T2 và Nguyễn Việt T3 bị một số vết xây xước nhẹ.

- Kết quả khám nghiệm hiện trường

Hiện trường xảy ra tai nạn là ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ A và đường nội thị thuộc phường N, tỉnh Thanh Hóa. Đoạn đường Quốc lộ 10 nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, tương đối bằng phẳng, được rải bê tông nhựa, lòng đường rộng 600 cm, đoạn đường nội thị nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, được rải bê tông xi măng, đoạn mở rộng nhất là 540 cm; Đường quốc lộ 10 có vạch kẻ đường màu vàng phân chia hai chiều đường (đường hai chiều), đường nội thị không có vạch phân chia làn đường (đường hai chiều). Mở rộng hiện trường về hướng Đông Quốc lộ A có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên (biển số 207). Hiện trường để lại có 07 dấu vết, được đánh số thứ tự từ (01) đến (07).

Thống nhất lấy mép đường bên phải chiều đường phường H đi xã H, Quốc lộ A làm mép đường chuẩn.

Lấy cột công bên phải Công ty H có địa chỉ tại khu phố Q, phường N, tỉnh Thanh Hóa làm điểm làm mốc, đo phương pháp hình chiếu.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng Tây bắc làm điểm bắt đầu ghi nhận các dấu vết, phương tiện được đánh số thứ tự lần lượt như sau:

- Vị trí số (1): Vết phanh (1) trên mặt đường kích thước 2004cm x 15cm, vết có chiều từ Đông sang T, đo lần lượt điểm đầu và điểm cuối vết phanh (1) vào mép

đường chuẩn, khoảng cách lần lượt là 300 cm và 250 cm; Cách đầu vết phanh (1) khoảng cách 270 cm về hướng T là điểm bắt đầu vết phanh (2), ký hiệu là (2).

- Vị trí số (2): Vết phanh (2) kích thước 1810 cm x 15cm, vết có chiều từ Đông sang T, đo lần lượt điểm đầu và điểm cuối vết phanh (2) và mép đường chuẩn, khoảng cách lần lượt là 460 cm và 400 cm.

Cách đầu vết phanh (1) khoảng cách 1090 cm về hướng T là điểm bắt đầu vết cày trượt ký hiệu (3).

- Vị trí số (3): Vết cày trượt kích thước 995cm x 130cm, vết có chiều hướng từ Đông sang T, đối với vết (3) cách mép đường chuẩn 360 cm, cuối vết (3) trùng với vị trí giá đỡ chân trước bên phải xe mô tô BKS 36F1-027.71 cách mép đường chuẩn 290cm.

- Vị trí số (4): Xe ô tô BKS 36K-627.04 dừng trên mặt đường, xe ở tư thế đỗ ngã, đầu xe hướng phía Tây, đuôi xe hướng phía Đông, đo lần lượt hình chiếu trục trước và trục sau bên trái xe ô tô vào mép đường chuẩn lần lượt là 250 cm và 260 cm.

Cách hình chiếu trục trước bên trái xe ô tô khoảng cách 90 cm về hướng Tây là trục trước xe mô tô BKS 36F1 - 027.71 ký hiệu (5).

- Vị trí số (5): Xe mô tô BKS 36F1-027.71 nằm nghiêng phải trên mặt đường, phía dưới gầm xe ô tô BKS 36K-627.04, đầu xe chếch hướng Nam, đuôi xe hướng Bắc. T4 trục bánh trước và trục sau xe mô tô BKS 36F1-027.71 ký hiệu (5).

Cách trục trước xe mô tô (5) khoảng cách 150 cm là vùng đám máu, ký hiệu (6).

- Vị trí số (6): Vùng đám máu kích thước 290 cm x 590 cm, vết máu nằm rải rác, tâm vùng đám máu (6) cách mép đường chuẩn 180 cm.

Cách tâm vùng đám máu (6) khoảng cách 320 cm về hướng Đông là tâm đám dị vật ký hiệu (7).

Vị trí số (7): Đám dị vật gồm các mảnh nhựa và 01 chân giả bằng nhôm, nằm rải rác, kích thước 2210 cm x 390 cm. T4 vết (7) cách mép đường chuẩn 180 cm (BL: 36-37; 54-55).

- Kết luận giám định phương tiện

Kết luận giám định số 2683/KL-KTHS ngày 28/7/2025, Phòng K Công an tỉnh T kết luận :

Va chạm giữa xe mô tô BKS 36F1-027.71 với xe ô tô BKS 36K - 627.04: Điểm va chạm đầu tiên: Mặt ngoài ốp nhựa vai phóc bên trái, mặt trước ngoài tay nắm bên trái, mặt ngoài ốp nhựa bên trái đầu xe và mặt trước ngoài dưới cần gương chiếu hậu bên trái xe mô tô BKS 36F1-027.71 (ảnh 3 đến 6) với mặt trước ngoài bên trái đầu xe ô tô BKS 36K-627.04 (ảnh 17 đến 20).

Tại thời điểm va chạm, xe mô tô BKS 36F1-027.71 chuyển động từ phải sang trái ngược chiều so với hướng chuyển động của xe ô tô BKS 36K - 627.04.

- Vị trí va chạm nằm trước đầu vết cà trượt (3), được thể hiện trong Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường, trên chiều đường theo hướng từ xã H đi phường H.

- Không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm va chạm.

- Không đủ cơ sở xác định va chạm giữa xe mô tô BKS 36BA-038.29 với người anh Nguyễn Văn T5.

Các vết tỳ trượt, bề mặt các vết in các vân (dạng vân vải) tại mặt và má trái lốp trước, cạnh bên trái vành trước, tương ứng hàng chữ "MADE IN VIETNAM"; mặt trước ngoài dưới càng trước bên trái, mặt dưới bên trái gầm xe mô tô BKS 36BA-038.29 (ảnh 33 đến 38) phù hợp do va chạm với chất liệu vải sợi (áo, quần...) tạo nên.

* Về khám nghiệm tử thi:

Kết luận giám định tử thi số 2583/KLGĐTT-PC09 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân chết của anh Lê Đình D là mất máu cấp do đa chấn thương.

* Kết quả giám định tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T1.

Kết luận giám định số 688/KLTTCT-PYTH ngày 04/11/2025 của Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa tỉnh T kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T1 tại thời điểm giám định là: 36% (Ba mươi sáu phần trăm).

* Kết quả giám định và xét nghiệm khác có liên quan

- Kết luận giám định 5709/KL-KTHS ngày 05/8/2025 của V Bộ C, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu ghi thu của Nguyễn Đức T (BL: 193).

- Kết luận giám định số 5710/KL-KTHS ngày 07/8/2025 của V Bộ C, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu ghi thu của Lê Đình D.

Kết luận giám định 2811/KL-KTHS ngày 05/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu máu của Lê Đình D, sinh năm 1977, trú tại thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa niêm phong gửi giám định có nồng độ Ethanol (cồn) là 190,29mg/100ml máu (một chín không phẩy hai chín miligam trên một trăm mililit máu).

* Kết quả giám định kỹ thuật số điện tử

Kết luận giám định số 3008/KL-KTHS, ngày 20/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh T đối với các file video trên, kết luận:

+ Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 01 (một) tệp video gửi giám định.

+ Trích xuất 07 (bảy) ảnh từ tệp video gửi giám định.

* Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đức T đã bồi thường dân sự cho gia đình nạn nhân Lê Đình D số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường dân sự cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Gia đình anh D và ông T1 không có yêu cầu gì khác về phần dân sự và đã có đơn đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Đức T.

* Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã trả lại:

- Đối với chiếc xe ô tô BKS: 36K-627.04 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng kiểm số 3601S-023862 cho chủ sở hữu là Nguyễn Đức T.

Trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T1 01 (một) xe mô tô BKS: 36F1-027.71.

- Trả lại cho Lê Kim T2 01 (một) xe mô tô BKS: 36BA-038.29 và 01 (một) đăng ký xe mô tô BKS 36BA-038.29.

Chuyển 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức T, số 380088384950 theo hồ sơ vụ án để chờ giải quyết theo quy định.

* Tại Bản án số 90/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 03 tháng tù.

Ngoài ra còn xử lý vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 11/02/2026, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xác định. Bị cáo cung cấp thêm đơn đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn của bị cáo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T; sửa một phần

Bản án số 90/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa theo hướng: Giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Bị cáo Nguyễn Đức T nói lời sau cùng: Bị cáo thống nhất nội dung phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, bị cáo hứa chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T làm trong thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức T tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám phương tiện, kết luận giám định và các tài liệu khác thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 25 phút ngày 06/7/2025, Nguyễn Đức T, có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô BKS 36K-627.04 di chuyển trên đường QL10 theo hướng xã H đi phường N; khi đến ngã 3 đoạn đường giao nhau với đường không ưu tiên (có biển báo số 207) thuộc địa phận phố Q, phường N, tỉnh Thanh Hóa, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ dẫn đến đâm va với xe mô tô BKS 36F1-027.71, do anh Lê Đình D điều khiển chở phía sau anh Nguyễn Văn T1 đang đi từ đường liên thôn ra đường Q (từ đường không ưu tiên vào đường ưu tiên) hướng bên phải chiều di chuyển của Nguyễn Đức T. Hậu quả: anh D tử vong mất máu cấp do đa chấn thương, anh T1 bị tổn thương 36% sức khỏe. Hành vi của bị cáo T đã vi phạm điểm b, d khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại về tính mạng cho người khác và mất trật tự an toàn giao thông.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa đã xét xử bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho

xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; để quyết định mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù, trên mức khởi điểm mà khung hình phạt quy định là phù hợp; vì vậy, không có căn chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho bị cáo hưởng án bị cáo; bị cáo có đơn trình bày xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt; không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu do lỗi vô ý, có nơi cư trú rõ ràng, ý thức trong việc khắc phục thiệt hại cho gia đình bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện bị cáo tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Đại diện Viện kiểm sát đề chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Xử: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T; sửa một phần Bản án số 90/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa;

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

* Án phí phúc thẩm: căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS,TA,THAHS khu vực 1, tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HC-TP
- UBND xã Hoàng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hiệu

